**BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT THỰC THỂ/MỐI KẾT HỢP**

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Nhân viên

**Tên viết tắt:** NHANVIEN

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng nhân viên của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NHANVIEN** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã nhân viên | IDNhanVien | Chuỗi | Mỗi nhân viên có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa nhân viên này và nhân viên khác. |
| 2 | Mã vai trò | IDVaiTro | Chuỗi | Mỗi nhân viên có một vai trò nhất định trong công ty. Mỗi vai trò có quyền truy cập các chức năng khác nhau trên hệ thống |
| 3 | Họ tên nhân viên | HoTen | Chuỗi | Lưu trữ họ tên nhân viên |
| 4 | Chứng minh nhân dân | CMND | Số | Lưu trữ CMND nhân viên |
| 5 | Số điện thoại | SoDienThoai | Số | Lưu trữ số ĐT nhân viên |
| 6 | Email | Email | Chuỗi | Lưu trữ email nhân viên |
| 7 | Địa chỉ | Diachi | Chuỗi | Lưu trữ địa chỉ nhân viên |
| 8 | Giới tính | GioiTinh | Chuỗi | Lưu trữ giới tính nhân viên |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Vai Trò

**Tên viết tắt:** VAITRO

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng vai trò nhân viên của cửa hàng. Mỗi vai trò có quyền truy cập và sử dụng khác nhau đối với hệ thống

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **VAITRO** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã vai trò | IDVaiTro | Chuỗi | Mỗi vai trò có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa các vai trò với nhau. |
| 2 | Tên vai trò | TenVaiTro | Chuỗi | Lữu trữ tên của vai trò |
| 3 | Mô tả | MoTa | Chuỗi | Lưu trữ mô tả vắn tắt về vai trò |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Khách hàng

**Tên viết tắt:** KHACHHANG

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng khách hàng của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHACHHANG** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã khách hàng | IDKhachHang | Chuỗi | Mỗi khách hàng có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa khách hàng với nhau. |
| 2 | Mã loại khách hàng | IDLoaiKhachHang | Chuỗi | Cửa hàng có nhiều loại khách hàng dựa trên số tiền khách hàng đã mua của cửa hàng. Mỗi loại khách hàng được giảm giá khác nhau. |
| 3 | Họ tên khách hàng | HoTen | Chuỗi | Lưu trữ họ tên khách hàng |
| 4 | Số điện thoại | SoDienThoai | Số | Lưu trữ số ĐT khách hàng |
| 5 | Email | Email | Chuỗi | Lưu trữ email khách hàng |
| 6 | Giới tính | GioiTinh | Chuỗi | Lưu trữ giới tính khách hàng |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** LoạiKhách hàng

**Tên viết tắt:** LOAIKHACHHANG

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng loại khách hàng của cửa hàng. Mỗi loại khách hàng nhận được mức ưu đãi khác nhau. Việc xếp loại khách hàng tùy thuộc vào số tiền khách hàng đó đã mua ở cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **LOAIKHACHHANG** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã loại khách hàng | IDLoaiKhachHang | Chuỗi | Mỗi loại khách hàng có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa loại khách hàng với nhau. |
| 2 | Tên loại khách hàng | TenLoaiKhachHang | Chuỗi | Tên loại khách hàng |
| 3 | Mức tiêu tối thiểu | MucTieuToiThieu | Số | Lưu trữ số tiền khách hàng đã mua để. |
| 4 | Phần trăm giảm giá | PhanTramGiamGia | Số | Lưu trữ phần trăm khách hàng được giảm giá trên tổng trị giá hóa đơn |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Sản Phẩm

**Tên viết tắt:** SANPHAM

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng sản phẩm của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SANPHAM** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã sản phẩm | IDSanPham | Chuỗi | Mỗi sản phẩm có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa sản phẩm với nhau. |
| 2 | Mã màu sắc | IDMauSac | Chuỗi | Mã màu sắc của sản phẩm, tham chiếu với bảng MAUSAC |
| 3 | Mã kích cỡ | IDKichCo | Chuỗi | Mã kích cỡ của sản phẩm, tham chiếu với bảng KICHCO |
| 4 | Mã Loại Sản Phẩm | IDLoaiSanPham | Chuỗi | Mã loại sản phẩm của sản phẩm, tham chiếu tới bảng LOAISANPHAM |
| 5 | Tên sản phẩm | TenSanPham | Chuỗi | Tên của sản phẩm |
| 6 | Đơn Giá | DonGia | Số | Đơn giá của sản phẩm |
| 7 | Số lượng tồn | SoLuongTon | Số | Số lượng hiện còn tại cửa hàng |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Loại Sản Phẩm

**Tên viết tắt:** LOAISANPHAM

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng loại sản phẩm của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SANPHAM** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã loại sản phẩm | IDLoaiSanPham | Chuỗi | Mỗi loại sản phẩm có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa loại sản phẩm với nhau. |
| 2 | Tên loại sản phẩm | TenLoaiSanPham | Chuỗi | Tên của loại sản phẩm |
| 3 | Thương hiệu | ThuongHieu | Chuỗi | Thương hiệu của loại sản phẩm |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Kích cỡ

**Tên viết tắt:** KICHCO

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng kích cỡ của sản phẩm của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KICHCO** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã kích cỡ | IDKichCo | Chuỗi | Mỗi kích cỡ có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa các kích cỡ với nhau. |
| 2 | Tên kích cỡ | TenKichCo | Chuỗi | Tên của kích cỡ |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Màu sắc

**Tên viết tắt:** MAUSAC

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng màu sắc của sản phẩm của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **MAUSAC** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã màu sắc | IDMauSac | Chuỗi | Mỗi màu sắc có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa các màu sắc với nhau. |
| 2 | Tên màu sắc | TenMauSac | Chuỗi | Tên của màu sắc |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Nhà cung cấp

**Tên viết tắt:** NHACUNGCAP

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng nhà cung cấp sản phẩm của cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NHACUNGCAP** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã nhà cung cấp | IDNhaCungCap | Chuỗi | Mỗi nhà cung cấp có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa các nhà cung cấp với nhau. |
| 2 | Tên nhà cung cấp | TenNhaCungCap | Chuỗi | Tên của nhà cung cấp |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Hóa đơn

**Tên viết tắt:** HOADON

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng hóa đơn được lập tại cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOADON** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã hóa đơn | IDHoaDon | Chuỗi | Mỗi hóa đơn có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa hóa đơn với nhau. |
| 2 | Mã nhân viên | IDNhanVien | Chuỗi | Lưu trữ mã của nhân viên đã lập hóa đơn |
| 3 | Mã khách hàng | IDKhachHang | Chuỗi | Lưu trữ mã của khách hàng thanh toán hóa đơn này |
| 4 | Ngày nhập | NgayNhap | Ngày/tháng | Lưu trữ ngày lập hóa đơn |
| 5 | Mức giảm giá | MucGiamGia | Số | Lưu trữ mức chiết khấu dựa trên toàn hóa đơn |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Chi tiết hóa đơn

**Tên viết tắt:** CHITIETHOADON

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể thể hiện cụ thể thông tin của HOADON.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHITIETHOADON** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã hóa đơn | IDHoaDon | Chuỗi | Mỗi hóa đơn tham chiếu đến mã hóa đơn ở bảng HOADON |
| 2 | Mã sản phẩm | IDSanPham | Chuỗi | Lưu trữ mã sản phẩm thuộc hóa đơn |
| 3 | Đơn giá | DonGia | Số | Đơn giá của sản phẩm |
| 4 | Số lượng | SoLuong | Số | Số lượng của sản phẩm |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Phiếu nhập

**Tên viết tắt:** PHIEUNHAP

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng phiếu nhập được lập tại cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIEUNHAP** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã phiếu nhập | IDPhieuNhap | Chuỗi | Mỗi phiếu nhập có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa phiếu nhập với nhau. |
| 2 | Mã nhà cung cấp | IDNhaCungCap | Chuỗi | Lưu trữ mã của nhà cung cấp của phiếu nhập |
| 3 | Mã nhân viên | IDNhanVien | Chuỗi | Lưu trữ mã của nhân viên tiếp nhận hàng |
| 4 | Ngày nhập | NgayNhap | Ngày/tháng | Lưu trữ ngày tiếp nhận phiếu nhập |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Chi tiết phiếu nhập

**Tên viết tắt:** CHITIETPHIEUNHAP

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể thể hiện cụ thể thông tin của PHIEUNHAP.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHITIETPHIEUNHAP** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã phiếu nhập | IDPhieuNhap | Chuỗi | Mỗi hóa đơn tham chiếu đến mã phiếu nhập  ở bảng PHIEUNHAP |
| 2 | Mã sản phẩm | IDSanPham | Chuỗi | Lưu trữ mã sản phẩm thuộc hóa đơn |
| 3 | Đơn giá | DonGia | Số | Đơn giá của sản phẩm |
| 4 | Số lượng | SoLuong | Số | Số lượng của sản phẩm |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Phiếu trả hàng

**Tên viết tắt:** PHIEUTRA

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể đại diện cho từng phiếu trả hàng được lập tại cửa hàng.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIEUTRA** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã phiếu trả | IDPhieuTra | Chuỗi | Mỗi phiếu trả có một mã số riêng biệt không trùng nhau để phân biệt giữa phiếu trả với nhau. |
| 2 | Mã hóa đơn | IDHoaDon | Chuỗi | Lưu trữ mã hóa đơn mua của mặt hàng muốn trả |
| 3 | Mã nhân viên | IDNhanVien | Chuỗi | Lưu trữ mã của nhân viên tiếp nhận trả hàng |

1. **Tên thực thể/mối kết hợp:** Chi tiết phiếu trả hàng

**Tên viết tắt:** CHITIETPHIEUTRA

**Mô tả thực thể/mối kết hợp:** Là một thực thể cụ thể thể hiện cụ thể thông tin của PHIEUTRA.

Chi tiết thực thể/mối kết hợp bao gồm các thông tin dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHITIETPHIEUTRA** | | | | **Người lập**: Nguyễn Bá Tùng  **Ngày lập**: 26/03/2019 |
| **STT** | **TÊN THUỘC TÍNH** | **TÊN TẮT** | **KIỂU DỮ LIỆU** | **DIỄN GIẢI** |
| 1 | Mã phiếu trả | IDPhieuTra | Chuỗi | Mã phiếu trả hàng |
| 2 | Mã sản phẩm | IDSanPham | Chuỗi | Lưu trữ mã sản phẩm bị trả lại |
| 3 | Lý do trả | LyDo | Chuỗi | Ly do bị trả lại của sản phẩm |
| 4 | Số lượng | SoLuong | Số | Số lượng trả lại của sản phẩm |